SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

Biểu mẫu 09

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển theo Quy chế tuyển sinh THCS&TS THPT ban hành kèm theo Thông tư 03/VBHN- BGDĐT ngày 03/5/2019 và theo quy định của QC kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 Tuyển 109 học sinh	Không tuyển thêm học sinh	Không tuyển thêm học sinh
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông - Ban cơ bản, học chủ đề tự chọn bám sát các môn Toán, Lý, Hóa, Văn, Ngoại ngữ, Sinh học.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình học sinh phải thường xuyên giữ liên hệ với nhà trường để phối hợp giáo dục học sinh thông qua sổ liên lạc, qua Ban giám hiệu, qua GVCN, qua bộ phận Giáo vụ, Bảo vệ và Ban Quản trú. - Học sinh phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, phải tham gia đầy đủ các nội dung, chương trình học tập theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT ban hành kèm theo QĐ số 01/2016/QĐ-BGDĐT, phải tham gia chương trình bồi dưỡng các đội tuyển dự thi các loại hình HSG, VNTT khi được lựa chọn Học sinh được yêu cầu tham gia làm quen với các hoạt động văn nghệ thể thao, các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.		
VI	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường có khu nội trú 3 tầng, sạch sẽ, khu bếp ăn tập thể phục vụ cho học sinh - Nhà trường có Thư viện, phòng đọc, đủ sách giáo khoa, có một số truyện, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu học tập và giải trí của học sinh		

		- Học sinh được sinh hoạt, vui chơi, được tìm hiểu về các hoạt động giáo dục văn hoá, xã hội, pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, nâng cao kỹ năng sống, được tham gia các hoạt động : chăm sóc các di tích lịch sử, trò chơi mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100 % xếp loại Hạnh kiểm từ TB trở lên	- 100 % xếp loại Hạnh kiểm từ TB trở lên	- 100 % xếp loại Hạnh kiểm từ TB trở lên
		- 100 % xếp loại Học lực từ TB trở lên - 100% HS đủ sức khỏe học tập	- 100 % xếp loại Học lực từ TB trở lên - 100% HS đủ sức khỏe học tập	- 100 % xếp loại Học lực từ TB trở lên - 100% HS đủ sức khỏe học tập
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100 % lên lớp 11	100 % lên lớp 12	- 100% học sinh tốt nghiệp THPT và được xét vào các trường ĐH, CĐ, TC hoặc được ưu tiên xét đi đào tạo tiếp theo chế độ cử tuyển, du học

Huyện Điện Biên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG H.ĐIỆN BIÊN

Trần Đăng Khoa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2020 - 2021

Biểu mẫu 10

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp					
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**341**	**141**	**100,0**	**103**	**100,0**	**97**	**100,0**
1	Tốt	**250**	87	61,7	80	77,7	83	85,6
2	Khá	**77**	45	31,9	18	17,5	14	14,4
3	Trung bình	**14**	9	6,4	5	4,9	0	0,0
4	Yếu	**0**	0	0,0	0	0,0	0	0,0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**341**	**141**	**100,0**	**103**	**100,0**	**97**	**100,0**
1	Giỏi	**25**	3	2,1	6	5,8	16	16,5
2	Khá	**222**	80	56,7	76	73,8	66	68,0
3	Trung bình	**92**	56	39,7	21	20,4	15	15,5
4	Yếu	**2**	2	1,4	0	0,0	0	0,0
5	Kém	**0**	0	0,0	0	0,0	0	0,0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**341**	**141**	**100,0**	**103**	**100,0**	**97**	**100,0**
1	Lên lớp	**339**	139	**98,6**	103	100,0	97	100,0
a	Học sinh giỏi	**25**	3	2,1	6	5,8	16	16,5
b	Học sinh tiên tiến	**222**	8	5,7	76	73,8	66	68,0
2	Kiểm tra lại	**2**	2	1,4	0	0,0	0	0,0
3	Lưu ban	**0**	0	0,0	0	0,0	0	0,0

4	Chuyển trường đến/đi	**5**	4	2,8	1	1,0	0	0,0
5	Bị đuổi học	**0**	0	0,0	0	0,0	0	0,0
6	Bỏ học	**0**	0	0,0	0	0,0	0	0,0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG**							
1	Cấp tỉnh/thành phố	22	8	2,35	8	2,35	6	1,8
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**0**						
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**97**					**97**	**100,0**
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**96**					**96**	**98,97**
1	Giỏi							
2	Khá							
3	Trung bình							
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng**							
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**149**	**62,0**	**41,6**	**49**	**32,9**	**38**	**25,5**
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**329**	**135**	**41,0**	**101**	**30,7**	**91**	**27,7**

Huyện Điện Biên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG H.ĐIỆN BIÊN

Trần Đăng Khoa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2021 - 2022

Biểu mẫu 11

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	10	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	10	2,6
2	Phòng học bán kiên cố	0	1,2
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	1,2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	10	1/1
8	Bình quân học sinh/lớp	350	35
III	**Số điểm trường**		-
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	10142.6 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	1000 m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	651m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	360m^2	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)		
3	Diện tích thư viện (m^2)	72m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	380m^2	

5	Diện tích phòng khác (….) (m^2)	142m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	5 bộ	5 bộ/10 lớp
1,1	Khối lớp 10	2 bộ	2 bộ/4 lớp
1,2	Khối lớp 11	2 bộ	2 bộ/3 lớp
1,3	Khối lớp 12	1 bộ	1 bộ/3 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2,1	Khối lớp 10	2 bộ	
2,2	Khối lớp 11	1 bộ	
2,3	Khối lớp 12	2 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	90m^2	10
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (đơn vị tính:bộ	20	17,3 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	1,4/1
5	Thiết bị khác…		

	Nội dung	**Số lượng (m^2)**
X	**Nhà bếp**	**186**
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	**Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)**	**Số chỗ**	**Diện tích Bình quân/chỗ**
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**	36 / 888 m^2	350	2,6/chỗ

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1/1		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư 12/2011/TT-BGĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVII.1	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Huyện Điện Biên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG H.ĐIỆN BIÊN

Trần Đăng Khoa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THPT HUYỆN ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022

Biểu mẫu 12

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	**45**	**0**	**15**	**19**	**1**	**1**	**9**	**19**	**12**	**0**	**10**	**23**	**2**	**0**
I	**Giáo viên**	**29**	**0**	**14**	**15**	**0**	**0**	**0**	**20**	**9**	**0**	**10**	**18**	**1**	**0**
Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Thể dục	3			3				3				3		
2	Tin học	2		1	1				1	1		1	1		
3	Ngữ văn	5		4	1				2	3		2	3		
4	Lịch sử	1			1				1				1		
5	Địa lý	1			1				1				1		
6	Toán	4		4	0				4			1	3		
7	Vật lý	2		1	1				0	2			2		
8	Hoá học	3		2	1				2	1		1	2		
9	Sinh học	2		2	0				0	2			2		
10	GDCD	0			0				0				0		
11	GDQP	0			0				0				0		
12	KTCN	1			1				1				1		
13	KTNN	0			0				0				0		
14	Ngoại ngữ	3			3				3			1	2		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
15	Đoàn đội – Â.N	1			1				1				1		
II	**Cán bộ quản lý**	**3**	**0**	**1**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**2**	**1**	**0**
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	2			2					2			2		
III	**Nhân viên**	**13**	**0**	**0**	**3**	**0**	**1**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13**	**0**	**0**
1	Nhân viên văn thư	1						1					1		
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		
3	Thủ quĩ	1			1								1		
4	Nhân viên y tế	1					1						1		
5	Nhân viên thư viện	1			1								1		
6	Nhân viên thiết bị														
7	KTV CNTT	0													
8	Nhân viên giáo vụ	0													
9	Nhân viên bảo vệ	2						2					2		
10	Nhân viên phục vụ	6						6					6		

Huyện Điện Biên, ngày 08 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG H.ĐIỆN BIÊN

Trần Đăng Khoa